

UBND THÀNH PHỐ PR-TC  
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

Số: 32/TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 15 tháng 4 năm 2022

### BÁO CÁO

#### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương quý I năm 2022**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 100/2016/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường thị trấn;

Thực hiện Công văn số 1047 b/UBND-TH ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc ủy quyền công khai tài chính;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2022, phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I năm 2022:

Tổng thu ngân sách thành phố quý I năm 2022: 242.992 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 43.82% (242.992 triệu đồng/554.506 triệu đồng).

Tổng thu ngân sách nhà nước quý I trên địa bàn năm 2022 là: 104.591 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 30.92% (104.591 triệu đồng/338.300 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương quý I năm 2022:

Chi cân đối ngân sách địa phương quý I năm 2022 : 168.042 triệu đồng, đạt 28.44% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (168.042 triệu đồng/590.835 triệu đồng), trong đó chi đầu tư thực hiện 27.040 triệu đồng, đạt 49.16% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (27.040 triệu đồng/55.000 triệu đồng), chi thường xuyên thực hiện 140.049 triệu đồng, đạt 26.78% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (140.049 triệu đồng/522.775 triệu đồng).

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho NS thành phố là: 952 triệu đồng.  
(Chi tiết theo các biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN đính kèm).

**Nơi nhận :**

- UBND TP (b/c);
- Sở Tài chính NT;
- TT. Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- Đăng trên công thông tin điện tử TP
- Lưu: TCKH

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Y. Minh Ánh**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>338,300</b>	<b>104,591</b>	<b>30.92%</b>	<b>136.11%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>338,300</b>	<b>104,583</b>	<b>30.91%</b>	<b>136.11%</b>
1	Thu nội địa	338,300	104,583	30.91%	136.11%
2	Thu viện trợ				
II	Thu các khoản huy động đóng góp		8		192.50%
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>554,506</b>	<b>242,992</b>	<b>43.82%</b>	<b>85.54%</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp</b>	<b>223,671</b>	<b>104,591</b>	<b>46.76%</b>	<b>152.09%</b>
1	Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	223,671	104,591	46.76%	152.09%
2	Các khoản thu phân chia ngân sách thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
II	Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh	330,835	83,422	25.22%	79.05%
1	Bổ sung cân đối	329,883	82,470	25.00%	132.94%
2	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
3	Bổ sung có mục tiêu	952	952	100.00%	2.19%
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
IV	Thu chuyển nguồn		54,979		50.08%
V	Thu quản lý qua ngân sách				
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>590,835</b>	<b>168,042</b>	<b>28.44%</b>	<b>98.64%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>55,000</b>	<b>27,040</b>	<b>49.16%</b>	<b>68.68%</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>522,775</b>	<b>140,049</b>	<b>26.79%</b>	<b>120.82%</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>12,108</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách</b>				
<b>V</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>952</b>	<b>952</b>	<b>100.00%</b>	<b>6.31%</b>



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	338,300	104,591	31%	136%
I	<b>Thu nội địa</b>	338,300	104,583	31%	136%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	7,000	508	7%	205%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	80,000	31,300	39%	115%
4	Thuế thu nhập cá nhân	23,400	9,564	41%	130%
5	Thuế bảo vệ môi trường		0		
6	Lệ phí trước bạ	57,000	17,682	31%	103%
7	Thu phí, lệ phí	10,000	4,925	49%	108%
8	Các khoản thu về nhà, đất	143,600	39,738	28%	210%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3,200	1,269	40%	245%
-	Thu tiền sử dụng đất	122,000	30,284	25%	189%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18,400	8,185	44%	341%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu				0%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14,800	840	6%	71%
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (Các khoản thu tại xã)	2,500	26	1%	11%
II	<b>Thu viện trợ</b>				
III	<b>Các khoản huy động, đóng góp</b>		8		179%
B	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	554,506	137,689	25%	48%
1	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	330,835	82,710	25%	78%
	Thu bổ sung cân đối	329,883	82,470	25%	133%
	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
	Thu bổ sung có mục tiêu	952	952	100%	2%
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
4	Thu chuyển nguồn		54,979		50%
5	hưởng 100%	223,671	104,591	47%	152%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>590,835</b>	<b>168,042</b>	<b>28%</b>	<b>99%</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>589,883</b>	<b>167,090</b>	<b>28%</b>	<b>108%</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>55,000</b>	<b>27,040</b>	<b>49%</b>	<b>69%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	55,000	27,040		69%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>522,775</b>	<b>140,049</b>	<b>27%</b>	
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	261,173	56,548	22%	101%
2	Chi an ninh quốc phòng	15,407	6,308	41%	161%
3	Chi y tế, dân số và gia đình		1,355		880%
4	Chi văn hoá thông tin, thể dục thể thao và truyền thanh	4,416	897	20%	87%
5	Chi bảo vệ môi trường	56,000	19,368	35%	141%
6	Chi hoạt động kinh tế	51,340	16,062	31%	123%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	80,581	19,708	24%	109%
8	Chi khác ngân sách	2,292	770	34%	100%
9	Chi bảo đảm xã hội	51,566	19,034	37%	214%
10	Giữ nguồn 10% tiết kiệm và nguồn cải cách tiền lương				
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>12,108</b>			
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>952</b>	<b>952</b>	<b>100%</b>	<b>6%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	952	952	100%	6%
C	<b>Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách</b>				
D	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				

